| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ TÂN**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 158/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29–4–2022
"V/v ly hôn giữa
Chị T và anh C"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Rỡ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Tám

2. Ông Nguyễn Đình Phùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Thiện Nhân– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Hoài– Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Hòa Hưng, xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Bình Thành, xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

*(Các đương sự vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C do mai mối, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2005, đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Bình. Sau khi cưới vợ chồng sống cùng gia đình chồng, đến năm 2011 do việc làm ăn không ổn định nên vợ chồng đến Thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân sinh sống, gửi con cho mẹ chồng chăm sóc. Thời gian đầu vợ chồng êm ấm,

khoảng năm 2013 anh C tụ tập bạn bè ăn chơi, cờ bạc nhiều lần thiếu nợ người khác chị phải kiếm tiền trả nợ thay anh. Ngoài ra anh C còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mỗi lần anh C uống rượu hoặc đi lại với người phụ nữ khác thì kiếm chuyện cự cãi với chị, nhiều lần anh C còn quay video về việc anh C đi chơi với người phụ nữ khác cho chị xem rồi bảo chị phải chấp nhận cho anh đi lại với người phụ nữ đó. Chị không đồng ý thì vợ chồng tiếp tục cự cãi. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm và ly thân nhiều lần được gia đình hai bên hàn gắn. Chị cũng cho anh C cơ hội để sửa đổi nhưng vẫn chứng nào tật nấy. Mẹ chồng nhiều lần la rầy, khuyên bảo nhưng anh C vẫn không nghe. Đến năm 2020 chị không còn sức để chịu đựng nên bỏ đi nơi khác sống và vợ chồng ly thân đến nay. Nay chị không còn tình cảm với chồng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn C.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Trần Thanh Nam, sinh ngày 21/9/2006, hiện nay cháu Nam đang sống với anh C. Chị T yêu cầu tiếp tục giao cháu Nam cho anh Trần Văn C nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không

- Về nợ phải thu, phải trả: Không.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như các lần mở phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án tiến hành xác minh được bà Phan Thị X là mẹ ruột anh C cho biết: Vợ chồng anh C và chị T đến tỉnh Bình Dương khoảng 10 năm, nhưng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn khoảng 2 -3 năm nay, nhiều lần gia đình khuyên răn, hàn gắn nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn. Còn vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề gì bà không biết. T và C ly thân hơn một năm.

Anh chị có 01 con chung tên Trần Thanh Nam hiện nay đang sống với anh C, khi anh C đi làm nhờ bà chăm sóc cháu Nam. Cháu Nam đang học tại trường Trung học phổ thông Bình Thạnh Đông. Cả T và C đều gửi tiền cho bà chăm lo cho cháu Nam. Nếu anh C được tiếp tục nuôi con thì bà đồng ý chăm sóc cháu Nam để anh C đi làm kiếm tiền nuôi con.

Ông Nguyễn Bá Tước là chú của chị T cho biết: chị T và C phát sinh mâu thuẫn khoảng 3 năm nay do anh C thường xuyên uống rượu và cờ bạc, nhiều lần vợ chồng cự cãi. Ngoài ra ông Tước còn nghe các cháu của ông ở gần nhà trọ của T kể lại, C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nhiều lần C uống rượu vào kiếm chuyện đòi đánh T. Vợ chồng ly thân khoảng 3 năm nay. C có năn nỉ hàn gắn, khi T không đồng ý C lại hâm dọa chém giết T. Mâu thuẫn của vợ chồng T càng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:*

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng

như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chị T thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Anh C và chị T có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau… Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau…". Thế nhưng anh C không còn thương yêu chị T, không tôn trọng, không chung thủy với vợ. Vợ chồng ly thân trong thời gian dài không thể hàn gắn, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T xin ly hôn với anh Trần Văn C là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Trần Thanh Nam, sinh ngày 21/9/2006, hiện nay cháu Nam đang sống với anh C. Cháu Nam có nguyện vọng sống với anh C, nên yêu cầu của chị T tiếp tục giao con cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ: Không có, nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

Đề nghị HĐXX xem xét cho chị T được ly hôn với anh C, giao con cho anh C tiếp tục nuôi con chung, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với C nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: anh C với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tổ 4, ấp Bình Thành, xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Bị đơn anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Chị T

vắng mặt có đơn xin vắng theo quy định pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án

[2] Về nội dung: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vào năm 2005 chị T và anh C tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyên, tự tìm hiểu. Ngày 29/11/2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chung sống được thời gian dài đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do anh C thường xuyên uống rượu, cờ bạc, không chung thủy với chị T. Từ đó vợ chồng cự cãi thường xuyên. Nhiều lần ly thân rồi lại hàn gắn nhưng không thể tiếp tục chung sống. Anh chị ly thân từ năm 2020 đến nay. Xét thấy, thời gian ly thân của anh chị kéo dài, anh C vi phạm nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng vợ. Hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Nên yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn C.

[3] Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung tên Trần Thanh Nam, sinh ngày 21/9/2006. Xét thấy từ khi ly thân đến nay cháu Nam sống chung anh C, được anh và gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định. Để đảm bảo môi trường phát triển của các con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, cũng phù hợp với yêu cầu của chị T và nguyện vọng của cháu Nam. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T tiếp tục giao cháu Nam cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về chia tài sản: Không

[5] Về nợ chung: Ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004327 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 218; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Anh Trần Văn C tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thanh Nam, sinh ngày 21/9/2006, hiện nay cháu Nam đang sống với anh C. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh C cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004327 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh C không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**Lý Thị Rỡ**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**